

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 03/2025/HS-ST

Ngày: 06 - 01 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sơn Mút

Ông Lương Phi Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 76/2024/TLST-HS, ngày 22 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2024/QĐXXST-HS, ngày 12 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Thạch Công, sinh ngày 10/8/1991 tại B, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch Đ và bà Thạch Thị S; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không;

Tiền án: 03 lần,

+ Ngày 08/10/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng. Trong thời gian thử thách, Thạch Công vi phạm nghĩa vụ của người chấp hành án treo nên ngày 25/9/2020, Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh buộc Thạch C phải chấp hành hình phạt tù với thời hạn là 09 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 27/7/2021 nhưng chưa được xóa án tích.

+ Ngày 01/6/2022, bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, không xác định tái phạm do tài sản trộm có giá trị dưới 2.000.000 đồng.

+ Ngày 09/09/2022, bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” xác định tái phạm. Tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù tại bản án của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh (ngày 01/6/2022), buộc Thạch C chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 01 năm tù. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 20/5/2023 nhưng chưa được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/8/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Nguyễn Đức D** - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước – Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

Địa chỉ: Số A, N, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị hại: Chị **Nguyễn Thị Lệ T**, sinh năm 1986 (xin vắng)

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh **Đỗ Văn P**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Anh **Thạch Tha L**, sinh năm 1986 (vắng mặt)

3. Chị **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

4. Anh **Nguyễn Hoàng H**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

5. Anh **Nguyễn Hoàng C1**, sinh năm 2003 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Người làm chứng:

1. Ông **Đỗ Văn V**, sinh năm 1959 (vắng mặt)

2. Bà **Nguyễn Thị C2**, sinh năm 1959 (vắng mặt)

3. Anh **Đỗ Quốc M**, sinh năm 2008 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

4. Anh **Lê Hoàng A**, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

5. Anh **Sơn M1**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

6. Anh **Dương Minh T1**, sinh năm 1975 (vắng mặt)

7. Anh **Thạch Minh H1**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 11/5/2024, sau khi uống rượu tại nhà anh rể là Thạch Na S1 xong, bị cáo Thạch C đi bộ đến nhà ông Đỗ Văn V cách đó khoảng 01 km cùng thuộc ấp H, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long để tìm ông V rủ uống rượu. Khi đến nhà ông V, bị cáo C thấy nhà ông V đã tắt đèn, người trong nhà đã ngủ nên bị cáo nảy sinh ý định đột nhập vào nhà lấy trộm tài sản đem bán để lấy tiền tiêu xài. Sau đó, bị cáo đi ra bên hông nhà thấy cửa nhà sau không khóa nên kéo mở cửa ra rồi đi vào trong tìm tài sản, bị cáo nhìn thấy xe mô tô biển số 64EA-034.51 của chị Nguyễn Thị Lệ T (con dâu ông V) đang dựng trong khu vực nhà sau, trên xe có chìa khóa cắm sẵn trong ổ khóa xe, bị cáo lấy xe dắt ra ngoài đường đal rồi điều khiển xe chạy đến khu dân cư Ấ, xã Đ, thị xã B thì gặp 02 người bạn của bị cáo là Lê Hoàng A và Sơn M1 đang nhậu nên vào nhậu chung.

Đến khoảng 05 giờ cùng ngày, bị cáo điều khiển xe mô tô 64EA – 034.51 chở Hoàng A và Sơn M1 cùng đến phía trước sân nhà của vợ chồng anh Thạch Tha L, chị Nguyễn Thị L1 thuộc ấp H, xã Đ, thị xã B để uống rượu tiếp. Đến 07 giờ cùng ngày, anh Tha L về tới nhà rồi vào tham gia uống rượu cùng với bị cáo, anh Hoàng A, anh Sơn M1. Trong lúc uống rượu, bị cáo kêu bán xe mô tô biển số 64EA – 034.51 cho anh Tha L với giá 1.000.000 đồng, bị cáo nói là xe của bị cáo và hứa vài ngày sau sẽ đưa giấy đăng ký xe cho Tha L, vì tin tưởng là xe của bị cáo nên anh T2 L đồng ý mua và kêu vợ là chị Nguyễn Thị L1 lấy số tiền 1.000.000 đồng để trả cho bị cáo. Trước khi giao xe cho anh Tha L, bị cáo mở cốp xe 64EA – 034.51 để kiểm tra và phát hiện trong cốp có số tiền 850.000 đồng nên bị cáo lấy cất giữ.

Đến ngày 15/5/2024, anh Đỗ Văn P (là chồng chị Nguyễn Thị Lệ T) phát hiện anh Tha L sử dụng xe của vợ chồng anh bị mất trộm và qua tìm hiểu thì mới biết được anh Tha L mua xe này do bị cáo bán, vì vậy anh P đến Công an xã Đ, thị xã B trình báo sự việc. Công an xã Đ tiến hành xác minh và thu giữ chiếc xe mô tô biển số 64EA – 034.51.

Theo Kết luận định giá tài sản số: 12/KL.ĐGTS ngày 13/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã B thì xe mô tô biển số 64EA – 034.51 có giá trị là 5.087.500 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã giao trả cho chị Nguyễn Thị Lệ T xe mô tô biển số 64EA – 034.51. Chị Nguyễn Thị Lệ T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã lấy trong cốp xe là 850.000 đồng. Vợ chồng anh Thạch Tha L, chị Nguyễn Thị L1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền mua xe là 1.000.000 đồng.

- Tại Cáo trạng số: 74/CT-VKSBM, ngày 22/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long truy tố Thạch Công về tội “Trộm cắp tài sản”

theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị:*

+ Về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt: Tuyên bố bị cáo Thạch C phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên phạt bị cáo Thạch C mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 09/8/2024). Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại cho bị hại chị Nguyễn Thị Lệ T số tiền 850.000 đồng và trả lại cho vợ chồng anh Thạch Tha L, chị Nguyễn Thị L1 số tiền 1.000.000 đồng.

+ Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý xong nên không xem xét.

+ Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn nộp tiền án phí cho bị cáo do thuộc trường hợp đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

+ Đối với vợ chồng anh Thạch Tha L, chị Nguyễn Thị L1 là người mua xe mô tô biển số 64EA – 034.51, còn anh Lê Hoàng A và anh Sơn M1 là người chứng kiến việc mua bán xe này thì tất cả đều không biết do bị cáo Thạch C lấy trộm mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp luật định.

- *Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo:*

Thông nhất với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo cũng như áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Thêm nữa, bị cáo học vấn thấp, là người đồng bào dân tộc thiểu số nên hạn chế am hiểu pháp luật. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức án tù 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

- *Phần tranh luận:* Bị cáo không tranh luận, người bào chữa cho bị cáo và kiểm sát viên vẫn giữ nguyên theo như quan điểm đã trình bày. Lời nói sau cùng của bị cáo là xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B, tỉnh Vĩnh Long và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và còn phù hợp với các biên bản hoạt động điều tra cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ xác định:

Bị cáo Thạch C có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản, đã tái phạm nhưng chưa được xóa án tích. Vào khoảng 00 giờ ngày 11/5/2024, tại khu vực nhà sau của ông Đỗ Văn V thuộc ấp H, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo Thạch C lén lút lấy trộm xe mô tô biển số 64EA-034.51 của chị Nguyễn Thị Lệ T (con dâu ông V), sau đó bị cáo đem xe bán lại cho vợ chồng anh Thạch Tha L, chị Nguyễn Thị L1, khi bán xe bị cáo nói xe của bị cáo và hẹn vài ngày sau sẽ đưa giấy đăng ký xe, vợ chồng anh Tha L không biết này do bị cáo trộm mà và đồng ý mua với giá 1.000.000 đồng. Đồng thời, trước khi giao xe cho vợ chồng anh Tha L, bị cáo mở cốp xe 64EA – 034.51 để kiểm tra và lấy số tiền 850.000 đồng cất giữ.

Đến ngày 15/5/2024, anh Đỗ Văn P (là chồng chị Nguyễn Thị Lệ T) phát hiện anh Tha L sử dụng xe của vợ chồng anh bị mất trộm nên đến Công an trình báo sự việc. Công an xã Đ, thị xã B tiến hành xác minh và thu giữ chiếc xe mô tô biển số 64EA – 034.51.

Theo Kết luận định giá tài sản số: 12/KL.ĐGTS ngày 13/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã B thì mô tô biển số 64EA – 034.51 có giá trị là 5.087.500 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo Thạch C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) theo như luận tội của Kiểm sát viên.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo có nhiều tiền án về tội trộm cắp tài sản, lẽ ra sau khi chấp hành xong hình phạt trở về địa phương, hòa nhập cộng đồng phải biết đặt mình trong khuôn khổ pháp luật, nhưng bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục để bị cáo có đủ thời gian cải tạo, sửa chữa trở thành người tốt, có ích cho xã hội. Qua đó, cũng nhằm đấu tranh ngăn chặn và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và gia đình bị cáo có công với cách mạng nên được xem là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Đối với vợ chồng anh Thạch Tha L, chị Nguyễn Thị L1 là người mua xe mô tô biển số 64EA – 034.51 do bị cáo bán. Tuy nhiên, vợ chồng anh Tha L không biết xe này do bị cáo phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp luật định. Đối với anh Lê Hoàng A và anh Sơn M1 có cùng đi với bị cáo bằng xe mô tô 64EA – 034.51 đến nhà anh Thạch Tha L và chứng kiến sự việc bị cáo bán xe cho vợ chồng anh Thạch Tha L. Tuy nhiên, anh Hoàng A và anh Sơn M1 không biết xe này do bị cáo Thạch C lấy trộm mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp luật định.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã giao trả xong cho chị Nguyễn Thị Lệ T xe mô tô biển số 64EA – 034.51 là phù hợp luật định.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo trả lại cho chị Nguyễn Thị Lệ T số tiền mà bị cáo đã lấy trong cướp xe là 850.000 đồng và trả lại cho vợ chồng anh Thạch Tha L, chị Nguyễn Thị L1 số tiền mua bán xe là 1.000.000 đồng.

[7] Về án phí: Miễn nộp tiền án phí cho bị cáo do thuộc trường hợp đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét quan điểm của người bào chữa cho bị cáo là có cơ sở được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Thạch C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Thạch C 02 (hai) năm tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 09/8/2024).

2. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý xong.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự.

3.1. Buộc bị cáo Thạch C trả lại cho chị Nguyễn Thị Lệ T số tiền 850.000đ (*tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

3.2. Buộc bị cáo Thạch C trả lại cho anh Thạch Tha L, chị Nguyễn Thị L1 số tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chưa thi hành án số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả do chậm thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn nộp tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Thạch C.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp TVL;
- Phòng hồ sơ CATVL;
- VKSND TX Bình Minh;
- CA TX Bình Minh;
- Chi cục THADS TXBM;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Bị cáo, Bị hại;
- Người TGTG khác (nếu có);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyên Khoa